TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2019/DS-ST
Ngày 25- 9 - 2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Hiển
Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công kH vụ án thụ lý số: 341/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Việt X, sinh năm 1990 (có mặt); cư trú tại: Ấp ĐTB, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh M, sinh năm 1987 (có mặt); cư trú tại: Ấp THA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Bé H, sinh năm 1969 (có mặt); cư trú tại: Ấp THA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn anh Nguyễn Việt X trình bày:*

Anh Huỳnh M có mượn tiền của anh X, cụ thể các lần như sau: Ngày 16/3/2018 mượn 10.000.000 đồng, ngày 06/4/2018 mượn 7.000.000 đồng, ngày 24/4/2018 mượn 23.000.000 đồng. Các lần mượn tiền anh M đều viết biên nhận riêng. Đối với lần mượn tiền ngày 16/3/2018 số tiền 10.000.000 đồng và ngày 06/4/2018 số tiền 7.000.000 đồng thì không quy định thời hạn trả mà H bên thỏa thuận khi nào anh X cần sẽ báo trước cho anh M thời gian hợp lý để trả nợ. Đối với lần mượn tiền ngày 24/4/2018 số tiền 23.000.000 đồng có quy định thời gian trả là

3 tháng. Tuy nhiên, sau khi mượn tiền đến đầu năm 2019 anh có báo cho anh X để trả vốn nhưng anh X không trả. Trong năm 2018 và 2019 (không nhó ngày tháng cụ thể) anh M có trả cho anh số tiền 4.000.000 đồng, số tiền còn lại không trả cho anh.

Ngoài ba lần mượn trên thì giữa anh X và anh M không có giao dịch gì khác với nhau, H lần mượn tiền ngày 16/3/2018 và ngày 06/4/2018 chỉ có anh và anh M giao dịch với nhau, lần mượn sau cùng là ngày 24/4/2018 có thêm bà Bé H là mẹ anh M chứng kiến. Do bà Bé H là người lớn nên anh yêu cầu bà Bé H đứng ra chứng kiến và bảo lãnh cho anh M trả nợ cho anh trong thời hạn ba tháng theo biên nhận vì số tiền mượn nhiều. Anh X xác định số nợ trên là của anh M mượn không phải nợ của bà Bé H nên nay anh chỉ yêu cầu anh M có trách nhiệm trả cho anh số tiền còn lại là 36.000.000 đồng.

* *Bị đơn anh Huỳnh M trình bày:* Anh có mượn tiền của anh X hai lần là vào ngày 16/3/2018 mượn10.000.000 đồng, ngày 06/4/2018 mượn 7.000.000 đồng. Tổng cộng H lần mượn là 17.000.000 đồng. Ngày 24/4/2018 anh X mới yêu cầu anh viết biên nhận tổng nợ mượn anh X số tiền 23.000.000 đồng (số tiền này là bao gồm H lần mượn trước là ngày 16/3/2018 và ngày 06/4/2018 là 17.000.000 đồng và phần còn lại 6.000.000 đồng là khoảng tiền nợ gì anh cũng không nhớ vì trước đó anh có nợ tiền anh X). Như vậy, biên nhận ngày 24/4/2018 là biên nhận tổng H lần mượn và khoảng nợ khác không phải là lần mượn riêng biệt 23.000.000 đồng. Ngoài ra khi mượn tiền thì anh X không tính lãi xuất nhưng anh mượn tiền để kinh doanh nên anh có gởi trả cho anh X hai lần số tiền lãi là 400.000 đồng (trả tháng 4/2018).

Anh M xác định các giấy nợ ngày 16/3/2018 mượn 10.000.000 đồng, ngày 06/4/2018 mượn 7.000.000 đồng, ngày 24/4/2018 mượn 23.000.000 đồng là do anh M tự ghi biên nhận và ký. Các lần mượn và viết biên nhận chỉ có anh X, anh M, riêng ngày 24/4/2018 có thêm bà Bé H ngoài ra không còn ai khác chứng kiến giao dịch giữa hai bên. Do sơ xuất nên khi anh viết biên nhận tổng ngày 24/4/2018 nhưng không lấy lại H biên nhận ngày 16/3/2018 và ngày 06/4/2018. Anh M xác định phần nợ này là nợ riêng của anh, bà Bé H là mẹ ruột chỉ ký tên với tư cách người lớn để anh M hẹn trả nợ cho anh X trong thời hạn 3 tháng. Nay anh xác định có nợ anh X tổng số tiền là 23.000.000 đồng, đã trả được 4.000.000 đồng, còn nợ số tiền 19.000.000 đồng và đồng ý trả cho anh X.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Bé H trình bày:* Ngày 24/4/2018 anh M chở bà qua nhà vựa cua của anh X tại khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD để nhận tổng cộng nợ là 23.000.000 đồng, khi đó anh M viết biên nhận và đọc lại bà ký tên. Bà xác định bà là mẹ anh M nên ký tên nhưng phần nợ này là nợ của anh M vì trước đó anh X có đòi tiền anh M nhiều lần không trả nên mới yêu cầu M chở bà qua. Mục đích bà là người lớn nên kêu bà lý lãnh vào biên nhận ngày 24/4/2018 để bảo đảm cho M trả trợ trong thời hạn 3 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh X khởi kiện anh M để đòi lại số tiền cho mượn, theo quy định của Bộ luật dân sự xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp:

Hội đồng xét xử xét thấy tại các biên nhận ngày 16/3/2018, ngày 06/4/2018 và ngày 24/4/2018 thể hiện anh Huỳnh M có mượn của anh Nguyễn Việt X lần lượt số tiền là 10.000.000 đồng, 7.000.000 đồng và 23.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh X khai các lần anh M mượn tiền đều làm biên nhận từng lần riêng biệt. Anh M khai chỉ có mượn ngày 16/3/2018 là 10.000.000 đồng, ngày 06/4/2018 mượn 7.000.000 đồng, tổng cộng là 17.000.000 đồng. Xét lời khai của các đương sự thấy rằng lời khai của anh M trình bày là không có cơ sở. Bởi lẽ, anh M cho rằng giấy nợ ngày 24/4/2018 là giấy nợ tổng nhưng tại giấy nợ ngày 24/4/2018 thể hiện nội dung: *" Tôi tên Huỳnh M CMND 381557173 Hôm nay ngày 24/4/2018 tôi có mượng của anh Nguyễn Việt X với số tiền là 23.000000 (H mươi ba triệu) có mẹ đứng ra lãnh Huỳnh Bé H CMND381648459 trong vòng ba tháng hoàn lại vốn"* và ký tên. Như vậy, theo nội dung giấy nợ này không thể hiện tổng nợ của lần vay ngày 16/3/2018, ngày 06/4/2018 và khoản nợ khác như anh M trình bày. Đối với khoản nợ khác anh M trình bày, anh M cũng không nhớ là nợ gì, là bao nhiêu. Các lời khai của anh M không được anh X thừa nhận, anh M không có văn bản, tài liệu gì để chứng minh. Xét lời trình bày của anh X về việc các lần anh M mượn tiền đều có làm biên nhận riêng biệt là phù hợp với các giấy nợ mà anh X đã nộp tại hồ sơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *" Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..."* Do đó, yêu cầu của anh X là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Đối với bà Huỳnh Bé H có ghi tên vào biên nhận ngày 24/4/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều xác định bà Bé H không phải là người vay tiền mà có ký tên để bảo lãnh cho anh M trả nợ trong thời hạn là 3 tháng, không phải là bảo lãnh cho khoản nợ vay của anh M. Anh X xác định tổng các khoản nợ anh khởi kiện là nợ riêng của anh M và nay anh chỉ yêu cầu anh M trả nợ cho anh. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên buộc anh Huỳnh M phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Việt X số tiền 36.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với số tiền lãi 400.000 đồng anh M đã trả cho anh X, các bên đương sự không đặt ra xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt X. Buộc anh Huỳnh M phải trả cho anh Nguyễn Việt X số tiền là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Việt X có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng anh Huỳnh M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Việt X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Nguyễn Việt X 1.000.000 (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009739 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Biện Thị Nhung